

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DSST

Ngày: 19-4-2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lưu Hùng Phương

2/ Ông Nguyễn Xuân Quỳ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974; Bà Lê Hồng C, sinh năm 1978; Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974; Bà Võ Thị N, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*ông N có mặt, bà N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Khoảng tháng 5/2016, vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N có thỏa thuận: Vợ chồng ông N nhờ ông vay Ngân hàng rồi cho vay lại. Sau đó, ông ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long-PGD huyện Vĩnh Thanh số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 30/5/2016, vợ chồng ông cho vợ chồng ông N vay lại số tiền trên. Lãi suất thỏa thuận là 10,98%/năm (tương đương với lãi suất ngân hàng), thời gian vay là 12 tháng, hai bên không có lập giấy tờ gì. Vợ chồng ông N đóng lãi tính đến ngày 30/11/2018 thì còn nợ số tiền lãi 3.900.000 đồng. Ngày 20/12/2018, bà N ký xác nhận công nợ với số tiền 253.900.000 đồng

(nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 3.900.000 đồng). Từ đó đến nay, vợ chồng ông N không thanh toán nợ gốc và nợ lãi.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Võ Thị N có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất 10,98%/năm tính từ ngày 30/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Lê Hồng C thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Phạm Văn T và không bổ sung gì thêm.

Theo tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của vợ chồng ông T, bà C về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất thỏa thuận, thời gian trả và số tiền lãi đã đóng. Hiện vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông T số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc. Nay vợ chồng ông đồng ý trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất 10,98%/năm tính từ ngày 30/10/2018 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông T, bà C đối với bị đơn vợ chồng ông N, bà N. Buộc vợ chồng ông N và bà N phải trả cho vợ chồng ông T, bà C số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi 11.437.500 đồng (lãi suất 10,98%/năm, tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 19/4/2019).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn vợ chồng ông T và bà C yêu cầu bị đơn vợ chồng ông N, bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất 10,98%/năm, tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 19/4/2019. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn bà N được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về số nợ gốc: Ngày 30/5/2016, vợ chồng ông T, bà C và vợ chồng ông N, bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản. Nội dung: Vợ chồng ông T cho vợ chồng ông N, bà N vay số tiền là 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10,98%/năm, thời hạn vay: 01 năm, hai bên không có lập giấy tờ gì. Đến ngày 20/12/2018, bà N có ký biên nhận nợ. Từ lúc vay cho đến nay, vợ chồng ông N chỉ thanh toán tiền lãi tính đến ngày 30/10/2018 thì ngưng thanh toán lãi và nợ gốc. Nay vợ chồng ông T, bà C yêu cầu vợ chồng ông N, bà N cùng có trách nhiệm trả là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà N được Tòa án triệu tập để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Bị đơn ông N thừa nhận vợ chồng có vay số tiền trên, mục đích vay tiền để phát triển kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Đến ngày 20/12/2018, bị đơn bà N ký xác nhận nợ với số tiền 253.900.000 đồng nhưng thực chất số tiền 250.000.000 đồng (tiền gốc) và 3.900.000 đồng (tiền lãi), hiện còn nợ vợ chồng ông T số tiền 250.000 đồng. Vợ chồng ông T thống nhất số tiền gốc vợ chồng ông N còn nợ là 250.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định vợ chồng ông N còn nợ của nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông N, bà N cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 250.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] *Về lãi suất:* Theo thừa nhận của các đương sự, phía vợ chồng ông N đóng lãi đầy đủ với lãi suất là 10,98%/năm (tương đương 1,125%/tháng) từ ngày 30/5/2016 đến ngày 30/10/2018. Căn cứ theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định cụ thể: Lãi suất cơ bản 09%/năm x 150% = 13,5%/năm (tương đương 1,125%/tháng). Như vậy, số tiền bị đơn đã đóng lãi hàng tháng cho nguyên đơn với lãi suất 10,98%/năm là phù hợp nên không xem xét tính lãi lại. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10,98%/năm, kể từ ngày 30/10/2018 cho đến ngày 19/4/2019 (05 tháng 20 ngày) nhưng chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán 05 tháng tiền lãi là phù hợp và đã có lợi cho phía bị đơn, được tính cụ thể như sau:

Tiền vốn gốc: 250.000.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 19/4/2019 (tính tròn 05 tháng):
 $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,915\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 11.437.500 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: Nợ vốn và nợ lãi là 261.437.500 đồng. Như vậy, cần buộc vợ chồng ông N, bà N phải trả cho vợ chồng ông T, bà C số tiền là 261.437.500 đồng.

[3] *Về án phí dân sự:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông N, bà N phải chịu án phí trên số tiền của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông N, bà N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 261.437.500 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Hồng C về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Võ Thị N.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N cùng có trách trả cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Lê Hồng C số tiền là 261.437.500 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*). Trong đó, nợ vốn là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 11.437.500 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Võ Thị N phải nộp 13.071.000 đồng.

Ông Phạm Văn T và bà Lê Hồng C được nhận lại số tiền 6.325.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001312 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Tuyên án công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt bị đơn bà N.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy

Lương Hùng Dũng

Võ Minh Phụng